

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17
Số 58B Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn 9 tháng đầu
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHA TRANG
SEAFOODS
- F17

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17
DN:
E=NHATRANGSEAFOODS@NHATR
ANGSEAFOODS.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4200567428, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS -
F17, L=KHÁNH HÒA, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2021-10-29 16:09:41
Foxit Reader Version: 9.4.1

Nha Trang, Ngày tháng 10 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,266,174,434,387	1,013,611,478,082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	143,891,647,543	303,866,018,330
1. Tiền	111		143,841,647,543	139,768,518,330
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,000,000	164,097,500,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36,200,000,000	49,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36,200,000,000	49,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		530,907,594,998	419,845,837,344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	423,672,267,059	312,492,950,389
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	46,431,613,408	47,616,096,219
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	62,720,634,770	61,653,710,975
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,916,920,239)	(1,916,920,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		499,702,728,496	182,884,344,716
1. Hàng tồn kho	141	V.7	499,702,728,496	182,884,344,716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55,472,463,350	57,815,277,692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5,847,520,228	15,122,139,980
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		49,156,084,694	42,521,606,802
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	468,858,428	171,530,910
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,004,512,690,473	893,507,166,307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,730,852,003	11,221,544,003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10,730,852,003	11,221,544,003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		480,264,177,696	288,120,090,569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	466,436,023,059	274,045,522,529
- Nguyên giá	222		703,845,271,835	476,893,420,223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(237,409,248,776)	(202,847,897,694)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13,828,154,637	14,074,568,040
- Nguyên giá	228		16,307,741,838	16,307,741,838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,479,587,201)	(2,233,173,798)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		172,628,819,104	275,881,777,185
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	172,628,819,104	275,881,777,185
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		286,164,134,720	281,184,134,720
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	280,164,134,720	280,184,134,720
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6,000,000,000	1,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		54,724,706,950	37,099,619,830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	53,936,660,395	36,298,330,870
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	788,046,555	801,288,960
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,270,687,124,860	1,907,118,644,389

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,360,999,795,562	1,007,709,446,053
I. Nợ ngắn hạn	310		1,360,999,795,562	1,006,209,446,053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	138,621,472,539	140,318,841,882
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1,581,575,604	379,895,851
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2,788,218,279	5,085,930,596
4. Phải trả người lao động	314	V.16	15,173,946,374	26,385,605,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	9,146,576,789	6,804,900,035
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	17,443,739,751	22,520,380,672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1,168,818,471,509	794,176,410,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	7,425,794,717	10,537,482,017
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1,500,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	-	1,500,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

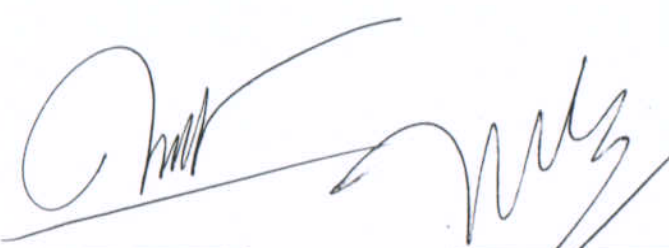
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

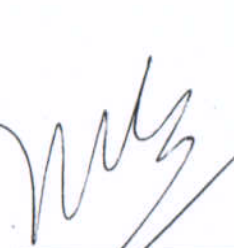
Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		909.687.329.298	899.409.198.336
I. Vốn chủ sở hữu	410		909.687.329.298	899.409.198.336
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	21.815.378.618	21.815.378.618
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	506.582.446.200	508.062.922.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		488.135.153.493	485.446.545.089
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		18.447.292.707	22.616.377.404
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	182.289.504.480	170.530.897.225
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.270.687.124.860	1.907.118.644.389

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2021


Nguyễn Mạnh Tiến
 Người lập biểu


Nguyễn Đan Tiến
 Kế toán trưởng


Ngô Văn Ích
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

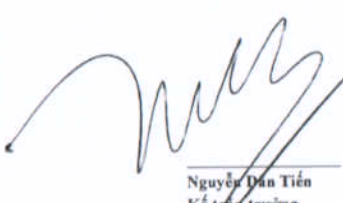
Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
			Quý 3	Lũy kế	Quý 3	Lũy kế
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	825.451.851.809	1.673.236.966.754	862.671.214.357	1.742.449.140.401
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	4.379.561.115	2.008.721.200	2.008.721.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		825.451.851.809	1.668.857.405.639	860.662.493.157	1.740.440.419.201
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	750.867.860.549	1.505.255.852.063	786.499.857.096	1.589.614.246.623
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.583.991.260	163.601.553.576	74.162.636.061	150.826.172.578
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.419.493.422	30.244.652.818	823.704.336	49.484.338.179
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.976.118.913	29.263.760.038	16.090.611.167	35.490.578.240
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.191.530.287	15.049.127.987	3.564.544.107	14.507.506.920
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	-	-	-	98.268.347
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	29.423.038.126	79.264.328.491	28.043.103.075	62.619.258.557
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	23.869.899.474	50.667.490.555	14.279.222.056	38.739.884.179
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.734.428.169	34.650.627.310	16.573.404.099	63.559.058.128
12. Thu nhập khác	31	VI.8	48.464.182	224.955.595	205.050.864	490.684.019
13. Chi phí khác	32	VI.9	207.070.868	841.903.778	168.993.650	1.042.442.697
14. Lợi nhuận khác	40		(158.606.686)	(616.948.183)	36.057.214	(551.758.678)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.575.821.483	34.033.679.127	16.609.461.313	63.007.299.450
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	2.094.547.347	3.614.536.760	3.542.060.493	7.383.893.193
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	13.242.405	-	40.135.557
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.481.274.136	30.405.899.962	13.067.400.820	55.583.270.700
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		13.441.409.961	18.647.292.707	8.984.678.351	49.405.769.537
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		9.039.864.175	11.758.607.255	1.926.865.304	4.021.643.998
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11a, b	-	927	-	2.198
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11a, b	-	927	-	2.198

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2021


 Nguyễn Mạnh Tiến
 Người lập biểu


 Nguyễn Đan Tiên
 Kế toán trưởng




 Ngô Văn Ích
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34,033,679,127	57,800,287,168
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	35,963,307,621	13,450,924,589
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(5,895,353,881)	2,305,802,821
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,5,8,9	(1,936,396,732)	(27,510,643,598)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	12,792,002,371	8,693,049,761
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74,957,238,506	54,739,420,741
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(162,407,015,429)	26,601,506,736
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(316,818,383,780)	(95,979,709,054)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7,976,811,285)	(65,428,882,419)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	(8,363,709,773)	14,086,729,288
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(12,476,069,434)	(8,665,266,496)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5,997,477,978)	(10,199,019,999)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	8,340,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	5,335,232,655	(3,300,902,715)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(433,746,996,518)	(88,137,783,918)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(83,843,080,805)	(57,370,174,341)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		22,790,413	187,272,727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		11,980,000,000	(28,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,020,000,000	44,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2c	(4,980,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	2,404,948,949	22,664,983,356
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(73,395,341,443)	(18,017,918,258)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

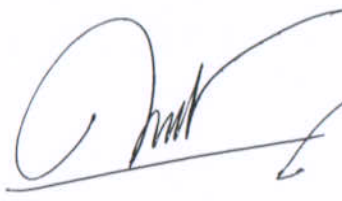
Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

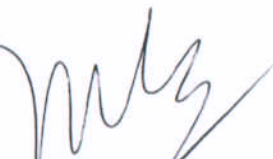
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	9.290.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.982.293.956.604	778.635.237.733
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.604.103.671.239)	(733.881.273.325)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.886.889.000)	(18.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		344.303.396.365	35.243.964.408
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(162.838.941.596)	(70.911.737.768)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	303.866.018.330	166.383.529.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.117.119.069	(26.311.176)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	147.144.195.803	95.445.480.267


Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập biểu


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Sản xuất, gia công, lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp và thiết bị lạnh; Mua bán máy móc thiết bị và vật tư; Khai thác nước khoáng nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Do tác động của dịch Covid-19 ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu, nên Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với năm trước. Đồng thời, Doanh thu hoạt động tài chính năm nay giảm không có cổ tức được chia từ góp vốn vào đơn vị khác (năm 2020 ghi nhận 35.9 tỷ VND do Tập đoàn nhận cổ tức từ các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác). Các nguyên nhân này làm cho lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn năm nay giảm so với năm trước 25.2 tỷ VND.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89	Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	56,57%	79,2%	56,57%	79,2%
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	66,53%	76,51%	66,53%	76,51%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 2.408 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.514 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các Năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất trả trước một lần, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí đền bù, chi phí mua vùng nuôi tôm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (45 năm).

Chi phí đền bù khác

Chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (21 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	7 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.556.710.379	3.762.041.417
Tiền gửi ngân hàng	141.284.937.164	136.006.476.913
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	50.000.000	164.097.500.000
Cộng	143.891.647.543	303.866.018.330

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	36.200.000.000	36.250.000.000	49.200.000.000	49.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	36.200.000.000	36.200.000.000	49.200.000.000	49.200.000.000
Dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Cộng	42.200.000.000	42.200.000.000	50.200.000.000	50.200.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱⁱⁱ⁾	157.749.943.186	-	-	157.749.943.186	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ^(iv)	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(v)	99.938.718.243	-	-	99.938.718.243	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(vi)	285.310.000	-	1.259.635.400	285.310.000	-	825.814.100
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	-	-	-	20.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-	-	20.000.000	-	-
Cộng	280.164.134.720	-	-1.259.635.400	280.184.134.720	-	825.814.100

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800648867 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty Cổ phần Thủy sản NTSF tương đương 18,65% vốn điều lệ. Tại ngày 30/06/2021, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ (số đầu năm là 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,89% vốn điều lệ).

- (ii) Tại ngày 30/06/2021, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 7,57% vốn thực tế đã góp.
- (iii) Tại ngày 30/06/2021, Tập đoàn nắm giữ 9.962.000 cổ phiếu, tỷ lệ lợi ích của khoản đầu tư này là 18,36% (số đầu năm là 18,36%)
- (iv) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (CTG). Tại ngày 30/06/2021, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND (số đầu năm là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>32.893.684.194</i>	<i>5.892.386.913</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	32.865.834.194	5.457.039.321
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	3.850.000	16.272.000
Công ty Cổ phần Onsen	-	392.844.600
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	24.000.000	9.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	-	17.230.992
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>390.778.582.865</i>	<i>306.600.563.476</i>
Công ty NTSF Company, Inc	284.912.035.110	105.409.362.108
Công ty Seafood Connection B.V	-	66.650.643.045
Công ty Thalassa Seafoods NV	-	6.533.554.998
Công ty LP Foods Pte, Ltd	27.674.768.807	21.554.071.498
Phải thu các khách hàng khác	78.191.778.948	106.452.931.827
Cộng	<u>423.672.267.059</u>	<u>312.492.950.389</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>3.960.000</i>	<i>1.869.816.500</i>
Ông Ngô Văn Ích – Giám đốc	-	1.869.816.500
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	3.960.000	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>46.427.653.408</i>	<i>45.746.279.719</i>
Công ty TNHH Điện Lạnh Miền Tây	6.231.073.628	6.608.318.385
Công ty TNHH Anh Phát	21.765.940.000	14.138.110.800
Các khách hàng khác	14.979.257.868	24.999.850.534
Cộng	<u>46.431.613.408</u>	<u>47.616.096.219</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	52.909.192	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF -Chiết khấu bán hàng	-	-	52.909.192	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	62.720.634.770	-	61.600.801.783	-
Tạm ứng	60.537.112.299	-	57.239.876.463	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	11.828.295	-	-	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	325.843.563	-	758.158.424	-
Thuế thu nhập cá nhân	630.551.613	-	680.522.942	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.214.299.000	-	2.921.243.954	-
Cộng	62.720.634.770	-	61.653.710.975	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.730.852.003	-	11.221.544.003	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	4.500.000.000	-	5.000.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ^(iv)	80.852.003	-	71.544.003	-
Cộng	10.730.852.003	-	11.221.544.003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.

(ii) Ký quỹ số tiền 4.500.000.000 VND thực hiện dự án “Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch - Thương mại và Trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17”.

(iii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iv) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mô nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.916.920.239	-		1.931.941.239	-
Công ty Aquatila - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	142.424.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.931.941.239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.916.920.239	1.931.941.239
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	1.916.920.239	1.931.941.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.218.054.184	-	14.149.961.666	-
Công cụ, dụng cụ	301.503.946	-	346.931.827	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.279.940.411	-	55.298.874	-
Thành phẩm	464.788.106.864	-	168.176.994.511	-
Hàng hóa	115.123.091	-	155.157.838	-
Cộng	499.702.728.496	-	182.884.344.716	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	5.049.753.820	8.802.093.832
Chi phí công cụ, dụng cụ	441.495.620	5.012.579.277
Chi phí bảo hiểm	356.270.788	909.685.035
Chi phí khác	-	397.781.836
Cộng	5.847.520.228	15.122.139.980

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	28.050.255.351	16.293.569.975
Tiền thuê đất	18.005.398.081	18.390.733.279
Chi phí đền bù	457.500.000	480.000.000
Chi phí sửa chữa	7.423.506.963	1.134.027.616
Chi phí khác	-	-
Cộng	53.936.660.395	36.298.330.870

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	153.476.857.779	270.477.910.228	50.314.844.885	1.131.757.331	1.492.050.000	476.893.420.223
Mua trong năm	-	3.485.235.318	1.196.363.636	-	-	4.681.598.954
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	154.937.021.865	68.547.801.698	-	-	-	223.484.823.563
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.214.570.905)	-	-	-	(1.214.570.905)
Số cuối năm	308.413.879.644	341.016.376.339	51.791.208.521	1.131.757.331	1.492.050.000	703.845.271.835
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	44.547.232.252	136.264.212.409	21.475.480.162	542.475.371	18.497.500	202.847.897.694
Khấu hao trong năm	11.827.700.458	20.202.055.898	3.468.119.866	107.114.247	111.903.749	35.716.894.218
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.155.543.136)	-	-	-	(1.155.543.136)
Số cuối năm	56.739.381.843	154.946.276.038	24.943.600.028	649.589.618	130.401.249	237.409.248.776
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	108.929.625.527	134.213.697.819	28.839.364.723	589.281.960	1.473.552.500	274.045.522.529
Số cuối năm	251.674.497.801	186.070.100.301	26.847.608.493	482.167.713	1.361.648.751	466.436.023.059

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.850.741.838	457.000.000	16.307.741.838
Kết chuyển từ XDCB hoàn thành	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.850.741.838	457.000.000	16.307.741.838
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.925.673.798	307.500.000	2.233.173.798
Khấu hao trong năm	211.163.403	35.250.000	246.413.403
Số cuối năm	2.136.837.201	342.750.000	2.479.587.201
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.925.068.040	149.500.000	14.074.568.040
Số cuối năm	13.784.292.438	126.000.000	13.910.292.438

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển Khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	-	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	275.881.777.185	130.209.255.925	(223.233.746.063)	(10.228.467.943)	172.628.819.104
- Nhà máy chế biến tôm	145.323.076.799	47.956.578.015	(157.631.553.774)	(3.044.026.400)	32.604.074.640
- Dự án Trung tâm thương mại - 777 Lê Hồng Phong	85.956.160.274	20.986.054.994	-	-	106.942.215.268
- Vùng nuôi Vạn Ninh	33.270.911.622	56.975.416.950	(54.234.572.743)	(7.104.639.543)	28.907.116.286
- Các công trình khác	11.331.628.490	4.291.205.966	(11.367.619.546)	(79.802.000)	4.175.412.910
Cộng	275.881.777.185	130.209.255.925	(223.233.746.063)	(10.228.467.943)	172.628.819.104

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến lãi nội bộ chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	801.288.960	883.245.154
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(13.242.405)	(81.956.194)
Số cuối năm	788.046.555	801.288.960

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	79.352.940.644	111.969.472.086
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	79.352.940.644	111.789.157.086
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	-	176.000.000
Công ty Cổ phần Onsen	-	4.315.000
Phải trả các nhà cung cấp khác	59.268.531.895	28.349.369.796
Công ty TNHH Thuận Hoài	5.937.470.300	-
Công ty TNHH Vina Foods Kyoei	-	1.224.182.163
DNTN Hoàn Thành Bạc Liêu	18.894.737.608	148.108.620
Các nhà cung cấp khác	34.436.323.987	26.977.079.013
Cộng	138.621.472.539	140.318.841.882

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
Công ty Cổ phần Thủy Sản NTSF	-	-
<i>Trả trước của khách hàng khác</i>	1.581.575.604	379.895.851
Công ty Ally Sphere Food Corp.	-	378.882.000
Các khách hàng khác	1.581.575.604	1.013.851
Cộng	1.581.575.604	379.895.851

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood – F17

Theo quy định tại khoản 5 điều 11 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các Công ty áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế được áp dụng trong 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế. Năm 2020 là năm thứ 13 Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 9 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 đối, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với mức thuế suất 8%, giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ tại tỉnh Khánh Hòa; tại tỉnh Kiên Giang giá tính thuế là 6.000 VND/m³; tại tỉnh Bạc Liêu giá tính thuế là 3.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi vay phải trả	1.140.332.661	824.399.724
Chi phí hoa hồng môi giới	5.388.824.584	3.329.465.138
Chi phí phải trả khác	2.617.419.544	2.651.035.173
Cộng	9.146.576.789	6.804.900.035

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	10.860.317.375	13.759.437.375
Ông Ngô Văn Ích - Cổ tức phải trả	10.622.400.000	13.582.240.000
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	118.800.000	176.880.000
Bà Nguyễn Thùy Liễu - Cổ tức phải trả	118.800.000	-
Thù lao Hội đồng quản trị	317.375	317.375
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.583.422.376	8.760.943.297
Kinh phí công đoàn	5.272.880.742	4.450.140.089
Cổ tức phải trả	-	176.880.000
Bảo hiểm xã hội, y tế	14.787.105	19.279.485

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475
Quỹ sắp xếp đổi mới doanh nghiệp	204.817.447	204.817.447
Quỹ xóa đói giảm nghèo	293.507.524	293.507.524
Các khoản phải trả khác	437.146.083	3.256.035.277
Cộng	17.443.739.751	22.520.380.672

18b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.168.818.471.509	794.176.410.000
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	708.022.768.185	452.340.406.410
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	372.335.673.115	234.207.082.255
- Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80.623.755.100	98.450.380.935
- Vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	7.836.275.109	9.178.540.400
Cộng	1.168.818.471.509	794.176.410.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods F89 theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/2902916/HĐTD ngày 09 tháng 7 năm 2018 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh chế biến thủy hải sản. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản cố định hữu hình thuộc quyền sở hữu của Công ty; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng xuất khẩu; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 132.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011, số 03/2015/2902985/HĐBĐ ngày 06/04/2015, số 01/2015/2902985/HĐBĐ ngày 12/10/2015.
- (ii) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng/giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	794.176.410.000
Số tiền vay trong năm	1.981.702.681.167
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.604.103.671.239)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	(2.956.948.419)
Số cuối năm	1.168.818.471.509

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	6.595.746.652	-	(2.125.445.000)	4.470.301.652
Quỹ phúc lợi	3.941.735.365	200.000.000	(1.186.242.300)	2.955.493.065
Cộng	10.537.482.017	200.000.000	(3.311.687.300)	7.425.794.717

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****21a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	64.034.540.000	63.574.970.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	39.442.530.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	19.928.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	75.594.930.000	76.054.500.000
Cộng	199.000.000.000	199.000.000.000

21b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.900.000	19.900.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	511.822.173	1.452.845.212	3.949.154.060	4.038.150.536
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	824.733.561.597	1.665.639.010.826	857.311.015.956	1.730.390.908.232
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	206.468.039	6.145.110.716	1.411.044.341	8.020.081.633
Cộng	825.451.851.809	1.673.236.966.754	862.671.214.357	1.742.449.140.401

1b. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Chiết khấu thương mại	-	3.275.085.600	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	1.104.475.515	2.008.721.200	2.008.721.200
Cộng	-	4.379.561.115	2.008.721.200	2.008.721.200

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	502.408.350	955.916.905	2.325.455	174.022.178
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	750.364.855.780	1.501.816.686.398	774.557.100.878	1.575.359.591.649
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	596.419	2.483.248.760	11.940.430.763	14.080.632.796
Cộng	750.867.860.549	1.505.255.852.063	786.499.857.096	1.589.614.246.623

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Lãi tiền gửi ngân hàng	430.468.310	1.972.634.088	817.556.224	4.389.934.449
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	35.913.727.056
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.989.025.112	28.272.018.730	6.148.112	6.574.610.252
Cộng	17.419.493.422	30.244.652.818	823.704.336	49.484.338.179

4. Chi phí tài chính

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Chi phí lãi vay	5.934.404.671	12.792.002.371	5.509.802.425	16.452.765.238
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.283.871.095	12.150.528.882	80.808.742	8.537.813.002
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.757.843.147	4.321.228.785	-	-
Giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bệnh viện Yersin	-	-	10.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	13.976.118.913	29.263.760.038	16.090.611.167	35.490.578.240

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Chi phí cho nhân viên	1.347.742.705	5.124.589.166	2.666.201.895	6.892.703.999
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	232.836.570	232.836.570	239.278.167	239.278.167
Chi phí khấu hao TSCĐ	383.720.658	1.592.036.460	393.936.316	1.857.108.870
Chi phí điện, điện thoại	1.755.062.407	1.755.062.407	1.828.711.393	1.828.711.393
Chi phí vận chuyển quốc tế	14.361.800.373	34.634.171.778	7.443.504.159	11.136.731.539
Chi phí vận chuyển nội địa	2.898.178.191	6.888.002.104	3.384.064.023	9.794.897.161
Chi phí hoa hồng môi giới	4.395.851.587	8.161.028.082	4.074.679.217	8.360.050.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.585.515.963	14.541.850.762	4.453.992.240	14.393.737.985
Các chi phí khác	1.462.329.672	6.334.751.162	3.558.735.665	8.116.039.159
Cộng	29.423.038.126	79.264.328.491	28.043.103.075	62.619.258.557

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Chi phí cho nhân viên	5.452.327.395	16.738.721.497	5.663.842.611	15.227.725.515
Chi phí vật liệu, dụng cụ	335.720.264	738.035.715	229.660.906	615.413.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	923.870.560	3.020.920.603	906.142.530	2.693.483.492
Thuế, phí và lệ phí	2.487.110.143	3.015.086.915	280.014.729	871.916.154
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	-	1.761.657.856	-	1.621.410.000
Chi phí phòng chống Covid-19	8.033.324.433	8.033.324.433	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	764.101.359	1.158.687.256	370.694.382	940.470.439
Các chi phí khác	5.873.445.320	16.201.056.280	6.828.866.898	16.769.465.275
Cộng	23.869.899.474	50.667.490.555	14.279.222.056	38.739.884.179

7. Thu nhập khác

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	22.790.413	109.090.909	333.088.068
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	10.580.909	105.403.908	15.322.363	59.128.453
Tiền bồi thường	-	19.507.000	0	12.520.000
Các khoản thu nhập khác	37.883.273	77.254.274	80.637.592	85.947.498
Cộng	48.464.182	224.955.595	205.050.864	490.684.019

8. Chi phí khác

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 3	Luỹ kế	Quý 3	Luỹ kế
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	-	44.087.948	212.522.299
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	6.080.868	502.164.450	-	382.716.058
Các chi phí khác	200.990.000	339.739.328	124.905.702	447.204.340
Cộng	207.070.868	841.903.778	168.993.650	1.042.442.697

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế đối với khoản lãi chưa thực hiện của các Công ty trong cùng Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	18.647.292.707	49.405.769.537
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(200.000.000)	(5.665.611.324)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	18.447.292.707	43.740.158.213
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.900.000	19.900.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	927	2.198

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nha Trang, ngày 29 tháng 10 năm 2021



Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập biểu

Nguyễn Đan Tiến
Kế toán trưởng



Ngô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17

Địa chỉ: Số 58B, đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn 9 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	505.819.941	(511.819.941)	-	6.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.008.199.722	171.530.910	3.614.536.760	(5.456.369.402)	2.764.428.804	369.592.634
Thuế thu nhập cá nhân	70.831.834	-	1.984.854.024	(1.829.765.967)	21.511.395	93.265.794
Thuế tài nguyên	6.899.040	-	80.459.260	(47.694.940)	2.278.080	-
Tiền thuế đất	-	-	2.239.778.958	(2.239.778.958)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	26.000.000	(20.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
Cộng	5.085.930.596	171.530.910	8.451.448.943	(10.105.429.208)	2.788.218.279	468.858.428

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 10 năm 2021



(Signature)

Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập biểu

(Signature)

Nguyễn Mạnh Tiến
Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị